

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS - ST

Ngày: 07/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Quy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong; 2. Ông Lâm Thái Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số D, đường C, khóm C, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quang Đ là nguyên đơn trình bày:

Hộ kinh doanh cửa hàng máy lọc nước AQUA CỬU LONG – chủ hộ kinh doanh là ông Lê Quang Đ. Ngày 26 tháng 8 năm 2022 bà Trần Thị Thanh K là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang Đ và bà Nguyễn Thị T thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số T8-B64/HĐMB-ACL về việc mua bán máy lọc nước. Theo hợp đồng: Cửa hàng máy lọc nước AQUA CỬU Long bán cho bà Nguyễn Thị T 01 máy lọc nước 2 vòi tinh khiết và khoáng. Giá bán 5.990.000 đồng. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt, trả góp 0% lãi suất, trả trước 590.000 đồng, còn lại 5.400.000 đồng sẽ thanh toán trong 9 tháng, mỗi tháng trả 600.000 đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết bên bán đã giao hàng cho bên mua đúng như thỏa thuận, bên

mua cũng thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bán từ khi mua đến ngày 01/3/2023 bằng số tiền 3.590.000 đồng. Sau ngày 01/3/2023 bên mua không thanh toán thêm cho bên bán khoản tiền nào. Tính đến ngày xét xử bên mua (bà T) còn nợ bên bán (ông Đ) số tiền 2.400.000 đồng. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền nợ mua máy lọc nước là 2.400.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Ngày 29/3/2024 ông Đ rút lại phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bà T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Quang Đ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa được tóm tắt như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền 2.400.000 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Quang Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ và bà T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Thao thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đ yêu cầu bà T trả tiền mua máy lọc nước của ông nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng quy định.

[II] Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại phần yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giao dịch mua bán hàng hóa giữa các đương sự có xảy ra trên thực tế. Hợp đồng mua bán hàng hóa số T8-B64/HĐMB-ACL ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc mua bán máy lọc nước bảo đảm các điều kiện có hiệu lực pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng này có hiệu lực pháp lực và buộc các bên phải thực hiện. Ông Đ thừa nhận bà T đã trả cho ông tiền bán máy lọc nước là 3.590.000 đồng, chỉ còn nợ 2.400.000 đồng. Ông Đ đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên, tại hợp đồng thể hiện bà T đã trả cho ông tiền bán máy lọc nước là 3.590.000 đồng, chỉ còn nợ 2.400.000 đồng. Điều này chứng minh rằng, lời khai của ông Đ là có cơ sở. Do bị đơn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chứng cứ và căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận và buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua máy lọc nước là 2.400.000 đồng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng, ông Đ không phải chịu nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án, là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Quang Đ** về yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Quang Đ** về yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** trả ông số tiền nợ mua máy lọc nước. Buộc bà **Nguyễn Thị T** trả cho ông **Lê Quang Đ** số tiền **2.400.000 đồng**.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị T** nộp **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông **Lê Quang Đ** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **300.000 đồng** theo **biên lai thu tiền số 0007463 ngày 17/01/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bạc Liêu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

;  
- VKSND huyện Hồng Dân;  
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;  
- Đương sự;  
- Lưu hồ sơ.

**Quách Văn Quy**